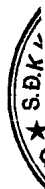


CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

Đã được soát xét



Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 8 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

6 tháng đầu năm 2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2012 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cho đến thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, Công ty Cổ phần Hải Minh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi đến lần thứ 10 số 0302525162 vào ngày 21 tháng 01 năm 2010.

- **Vốn điều lệ:** 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng).

Số lượng cổ phiếu: 10.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động chính**

Địa chỉ : Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-08) 3943 5447

Fax : (84-08) 3943 5466

Mã số thuế : 0302525162

Mã chứng khoán **HMH**

Địa chỉ và trụ sở các Công ty con và Công ty liên kết

Công ty con

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát

Địa chỉ : Tầng 2, khách sạn Việt Trung – số 103 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận An Hải, TP. Hải Phòng.

Mã số thuế : 0200822416

Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng

Địa chỉ : Km 103 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại : 0313979946

Mã số thuế : 0200859007

Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam

Địa chỉ : Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 39.435.440

Fax : (84-8) 39.435.441

Mã số thuế : 0303901733

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Công ty liên kết

Công ty TNHH "K" Line Việt Nam

Địa chỉ : 23 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Mã số thuế : 0102117575
Điện thoại : (84 4) 39 33 11 99
Fax : (84 4) 39 33 19 19

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh:

Địa chỉ : Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84 - 08) 3826 7654
Fax : (84 - 08) 3943 5498
Mã số thuế : 0310316130

Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh:

Địa chỉ : KM 0+200, Đường Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành Phố Hải Phòng
Mã số thuế : 0201242464

- **Hoạt động chính của Công ty:** Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

STT Tên Thành viên

Chức vụ

Hội đồng quản trị

1. Ông Phùng Văn Quang
2. Ông Nguyễn Quốc Hùng
3. Ông Nguyễn Văn Hà
4. Ông Nguyễn Trung Kiên
5. Bà Nguyễn Mỹ Hải

Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Ban kiểm soát

1. Ông Nguyễn Thế Quân
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
3. Ông Triệu Đình Trung

Trưởng ban kiểm soát
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

1. Ông Nguyễn Quốc Hùng
2. Ông Nguyễn Thế Hưng

Giám đốc
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Tình hình tài chính, kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 30).

Sự kiện sau ngày kết thúc sau niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 30 tháng 06 năm 2012 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2012, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục

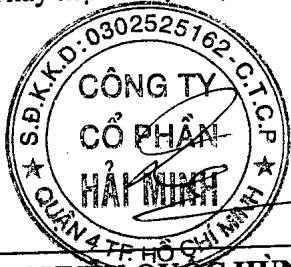
Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Công bố của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty 6 tháng đầu năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc.



NGUYỄN QUỐC HÙNG – Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2012

Số: 0036/2012/BCKQCTSX-KTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2012
CÔNG TY CP HẢI MINH**

**Kính gửi: QUÝ CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hải Minh bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, được lập ngày 13 tháng 08 năm 2012, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công tác soát xét của Chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán

Kết luận về công tác soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét toàn bộ Báo cáo tài chính hợp nhất, Chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2012



VĂN NAM HẢI - Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

NGUYỄN THỊ THOM - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0787/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
 Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 6 tháng đầu năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số dư ngày 30/06/2012	Số dư ngày 01/01/2012
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.586.013.634	98.148.791.450
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	44.567.349.262	57.678.932.405
1. Tiền	111		12.353.626.658	14.965.209.801
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.213.722.604	42.713.722.604
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.800.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	121		2.800.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.729.842.388	38.449.487.201
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	27.341.649.685	34.047.030.454
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1.829.874.000	2.491.011.668
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	651.318.703	2.004.445.079
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(93.000.000)	(93.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		378.129.728	349.309.487
Hàng tồn kho	141		378.129.728	349.309.487
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.110.692.256	1.671.062.357
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	346.163.807	156.378.574
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		334.476.040	390.857.176
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	1.430.052.409	1.123.826.607
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		125.980.338.424	102.161.449.050
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		38.335.929.427	38.624.990.426
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	36.969.583.863	37.504.990.426
Nguyên giá	222		74.751.247.770	71.665.621.693
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.781.663.907)	(34.160.631.267)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.120.000.000	1.120.000.000
Nguyên giá	228		1.137.000.000	1.137.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.000.000)	(17.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		246.345.564	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	82.758.037.960	57.881.716.481
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		75.958.037.960	51.081.716.481
2. Đầu tư dài hạn khác	258		6.800.000.000	6.800.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.545.441.075	1.942.597.741
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.277.148.217	1.674.304.883
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.11	268.292.858	268.292.858
VI. Lợi thế thương mại	269		3.340.929.962	3.712.144.402
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		205.566.352.058	200.310.240.500

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư ngày 30/06/2012	Số dư ngày 01/01/2012
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		32.852.375.335	36.321.956.246
I. Nợ ngắn hạn	310		32.678.302.282	36.087.593.525
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	342.563.969
2. Phải trả người bán	312	V.12	22.196.287.420	22.119.769.829
3. Người mua trả tiền trước	313		10.873.134	5.589.260
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	5.994.571.936	4.917.319.830
5. Phải trả người lao động	315		1.214.886.031	1.136.510.442
6. Chi phí phải trả	316		30.338.400	16.450.000
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	574.947.486	6.653.180.700
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.389.027.818	495.264.372
9. Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	323		1.267.370.057	400.945.123
II. Nợ dài hạn	330		174.073.053	234.362.721
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		174.073.053	234.362.721
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		169.641.893.849	160.635.027.819
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	169.641.893.849	160.635.027.819
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		73.574.960.000	73.574.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.928.510.000	1.928.510.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(4.571.898.630)	(4.571.898.630)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.051.360.115	2.051.360.115
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.375.997.936	3.168.311.136
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		92.282.964.428	84.483.785.198
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439		3.072.082.874	3.353.256.435
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		205.566.352.058	200.310.240.500

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư ngày 30/06/2012	Số dư ngày 01/01/2012
Ngoại tệ các loại:	05			
- Dollar Mỹ (USD)			5.746,61	90.372,00
- Dollar Singapore (SGD)			-	402,18

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2012



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

(Có so sánh với số liệu 6 tháng đầu năm 2011)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	62.598.724.561	57.855.289.852
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		62.598.724.561	57.855.289.852
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	48.875.750.551	42.515.429.559
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.722.974.010	15.339.860.293
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.649.768.359	2.763.475.182
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	32.234.715	153.055.225
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		8.009.172	27.895.721
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý kinh doanh	25	VI.5	5.452.482.653	4.918.170.229
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.888.025.001	13.032.110.021
11 Thu nhập khác	31	VI.6	730.466.933	1.438.181.818
12 Chi phí khác	32	VI.7	483.302.225	253.668.603
13 Lợi nhuận khác	40		247.164.708	1.184.513.215
14 Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		8.609.394.479	11.027.908.170
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.744.584.188	25.244.531.406
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VI.8	2.258.674.085	3.631.311.934
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>17.485.910.103</u>	<u>21.613.219.472</u>
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		103.282.372	213.053.078
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		17.382.627.731	21.400.166.394
<i>Trong đó</i>				
<i>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</i>			7.142.396	5.524.420
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>2.433,73</u>	<u>3.912,31</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2012



(Signature)
NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 6 tháng đầu năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		19.744.584.188	25.244.531.406
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.657.938.400	4.788.525.387
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(124.189)	61.908.397
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.720.567.304)	(17.955.101.100)
- Chi phí lãi vay	06		8.009.172	27.895.721
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		7.689.840.267	12.167.759.811
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.996.577.523	(2.631.757.408)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(28.820.241)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(2.411.829.255)	(11.498.667.894)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		207.371.433	194.180.513
- Tiền lãi vay đã trả	13		(8.009.172)	(27.895.721)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.054.528.655)	2.207.279.979
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		5.390.601.900	410.899.280
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.852.174.826)	(1.446.696.361)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		629.090.907	1.438.181.818
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(24.876.321.479)	4.127.791.830
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.574.773.822	18.004.445.201
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(12.524.631.576)	22.123.722.488
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(2.670.377.835)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	185.412.281
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(57.089.668)	(370.614.506)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.920.587.988)	(4.559.753.600)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(5.977.677.656)	(7.415.333.660)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(13.111.707.332)	15.119.288.108
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		57.678.932.405	38.225.431.179
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		124.189	(69.401.274)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	44.567.349.262	53.275.318.013

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 13 tháng 08 năm 2012



NGUYỄN QUỐC HÙNG
 Giám đốc

NGUYỄN THẾ HƯNG
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản Xuất – Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.
4. **Công ty con, Công ty liên kết**
Công ty con được hợp nhất:
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát
Địa chỉ: Tầng 2, khách sạn Việt Trung – số 103 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận An Hải, Thành phố Hải Phòng.
Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%
Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng
Địa chỉ : Km 103 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%
Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam
Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh
Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 55,29%
Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 55,29%

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
6 tháng đầu năm 2012

Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty TNHH "K" Line Việt Nam

Địa chỉ : 23 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh

Địa chỉ : KM 0+200, Đường Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành Phố Hải Phòng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 47,12%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 47,12%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 thuộc năm tài chính thứ 11 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2011: 20.828 VND/USD

Ngày 30/06/2012: 20.828 VND/USD

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
6 tháng đầu năm 2012

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Các thay đổi chính sách kế toán và áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam: Vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung;

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
6 tháng đầu năm 2012

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chỉ tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

5. Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

6. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào một Công ty mà phần góp vốn của Công ty chiếm dưới 20% vốn chủ sở hữu của Công ty đó.

7. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con, Công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua Công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của Công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các Công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng cân đối kế toán.

Khi bán Công ty con, Công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán Công ty tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
6 tháng đầu năm 2012

8. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

9. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

10. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

11. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

12. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
6 tháng đầu năm 2012

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà của vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

13. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là Website của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thi công mặt bằng và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 1 đến 3 năm.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

16. Nguồn vốn kinh doanh - Các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty dùng để chi trợ cấp thôi việc, mất việc làm cho người lao động tại Công ty theo quy định hiện hành.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
6 tháng đầu năm 2012

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện xong và có xác nhận của khách hàng về dịch vụ đã thực hiện.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong kỳ.

19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 6 tháng đầu năm 2012

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Đơn vị tính: VND	
		Số dư 30/06/2012	Số dư 01/01/2012
1. Tiền và các khoản tương đương tiền			
Chi tiêu			
Tiền mặt		2.300.145.036	2.300.145.036
Tiền VND		968.187.190	2.264.342.608
SGD quy đổi VND		-	6.434.948
USD quy đổi VND		29.367.480	29.367.480
Tiền gửi ngân hàng		43.569.794.592	55.378.787.369
Tiền VND		7.266.348.856	2.809.042.986
Tiền USD quy đổi sang VND		89.723.132	1.856.021.779
Các khoản tương đương tiền		36.213.722.604	50.713.722.604
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền		44.567.349.262	57.678.932.405
(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng.			
2. Phải thu khách hàng			
Chi tiêu			
Công ty Cổ phần Hải Minh		8.499.156.125	15.962.042.588
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát		9.639.280.905	5.690.006.699
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng		8.178.775.775	10.377.657.732
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam		1.024.436.880	2.017.323.435
Cộng		27.341.649.685	34.047.030.454
3. Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Hải Minh		208.300.000	2.298.811.668
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam		1.621.574.000	192.200.000
Cộng		1.829.874.000	2.491.011.668
4. Các khoản phải thu khác			
Công ty Cổ phần Hải Minh		305.488.842	1.362.612.549
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát		43.870.537	73.598.197
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng		50.177.405	308.272.265
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam		251.781.919	259.962.068
Cộng		651.318.703	2.004.445.079

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2012

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số dư 30/06/2012	Số dư 01/01/2012
Công ty Cổ phần Hải Minh	202.516.724	121.207.823
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	62.878.940	8.182.706
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	39.460.507	-
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	41.307.636	26.988.045
Cộng	346.163.807	156.378.574

6. Tài sản ngắn hạn khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	332.410.263	283.645.877
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	560.116.979	351.864.900
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	388.274.462	351.513.625
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	149.250.705	136.802.205
Cộng	1.430.052.409	1.123.826.607

7. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình
I. Nguyên giá					
1. Số dư 01/01/2012	17.610.397.821	7.630.869.752	45.484.299.732	940.054.388	71.665.621.693
2. Tăng trong kỳ	-	-	4.545.646.716	60.182.546	4.605.829.262
3. Giảm trong kỳ	-	-	1.520.203.185	-	1.520.203.185
4. Số dư 30/6/2012	<u>17.610.397.821</u>	<u>7.630.869.752</u>	<u>48.509.743.263</u>	<u>1.000.236.934</u>	<u>74.751.247.770</u>
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư 01/01/2012	7.634.266.445	5.641.387.091	20.315.087.539	569.890.192	34.160.631.267
2. Tăng trong năm	863.139.984	631.461.366	3.096.470.376	66.866.674	4.657.938.400
3. Giảm trong năm	-	-	1.036.905.760	-	1.036.905.760
4. Số dư 30/6/2012	<u>8.497.406.429</u>	<u>6.272.848.457</u>	<u>22.374.652.155</u>	<u>636.756.866</u>	<u>37.781.663.907</u>
III. Giá trị còn lại					
1. Số dư 01/01/2012	9.976.131.376	1.989.482.661	25.169.212.193	370.164.196	37.504.990.426
2. Số dư 30/6/2012	<u>9.112.991.392</u>	<u>1.358.021.295</u>	<u>26.135.091.108</u>	<u>363.480.068</u>	<u>36.969.583.863</u>

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
1. Tại 01/01/2012	941.733.810	68.765.109	1.010.498.919
2. Tại 30/6/2012	<u>941.733.810</u>	<u>68.765.109</u>	<u>1.010.498.919</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 6 tháng đầu năm 2012

8. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

Chỉ tiêu	Tài sản cố định vô hình-Phần mềm máy tính		Quyền sử dụng đất	Cộng tài sản vô hình
I. Nguyên giá				
1. Số dư 01/01/2012	17.000.000		1.120.000.000	1.137.000.000
2. Tăng trong kỳ	-		-	-
3. Giảm trong kỳ	-		-	-
4. Số dư 30/6/2012	17.000.000		1.120.000.000	1.137.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư 01/01/2012	17.000.000		-	17.000.000
2. Tăng trong năm	-		-	-
3. Giảm trong năm	-		-	-
4. Số dư 30/6/2012	17.000.000		-	17.000.000
III. Giá trị còn lại				
1. Số dư 01/01/2012	-		1.120.000.000	1.120.000.000
2. Số dư 30/6/2012	-		1.120.000.000	1.120.000.000

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.000.000 VND

9. Đầu tư tài chính dài hạn

Chỉ tiêu	Số dư 30/06/2012	Số dư 01/01/2012
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	75.958.037.960	51.081.716.481
Đầu tư dài hạn khác	6.800.000.000	6.800.000.000
+ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	1.800.000.000	1.800.000.000
Cộng	82.758.037.960	57.881.716.481

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công ty Cổ phần Hải Minh	833.663.045	1.343.718.036
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	71.634.363	106.736.544
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	371.850.809	223.850.303
Cộng	1.277.148.217	1.674.304.883

11. Tài sản dài hạn khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	215.680.858	215.680.858
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	3.212.000	3.212.000
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	49.400.000	49.400.000
Cộng	268.292.858	268.292.858

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 6 tháng đầu năm 2012

12. Phải trả người bán

	Số dư 30/06/2012	Số dư 01/01/2012
Công ty Cổ phần Hải Minh	10.266.302.564	15.999.626.923
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	4.340.534.720	2.166.286.706
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	6.761.191.236	3.517.578.400
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	828.258.900	436.277.800
Cộng	22.196.287.420	22.119.769.829

13. Người mua trả tiền trước

	Số dư 30/06/2012	Số dư 01/01/2012
Công ty Cổ phần Hải Minh	10.873.134	5.589.260
Cộng	10.873.134	5.589.260

14. Thuế và các khoản phải nộp khác

Stt	Chi tiêu	Số dư 01/01/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư 30/6/2012
I	Thuế phải nộp Nhà nước	4.728.489.546	7.685.121.444	7.347.579.579	5.984.982.376
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	242.863.474	3.319.938.861	2.653.559.653	909.242.682
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.331.244.503	2.258.674.085	2.054.528.655	4.535.389.933
3.	Các loại thuế khác	339.626.455	1.820.952.090	1.620.228.784	540.349.761
	+ Thuế thu nhập cá nhân	243.861.867	1.247.950.507	1.056.872.119	434.940.255
	Công ty CP Hải Minh	17.746.899	1.046.788.845	662.817.533	401.718.211
	Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	58.867.494	152.647.603	172.941.317	38.573.780
	Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	73.149.035	43.523.340	116.672.375	-
	Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	94.098.439	4.990.719	104.440.894	(5.351.736)
	- Tại TP.HCM (*)	83.689.431	4.990.719	94.684.312	(6.004.162)
	- Tại Hải Phòng	10.409.008	-	9.756.582	652.426
	+ Thuế nhà Thầu	95.764.588	561.501.583	551.856.665	105.409.506
	+ Thuế môn bài	-	11.500.000	11.500.000	-
II	Các khoản phải nộp khác	3.585.398	-	-	3.585.398
	Các khoản phải nộp khác	3.585.398	-	-	3.585.398
Cộng		4.732.074.944	7.685.121.444	7.347.579.579	5.988.567.774

(*) Được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
6 tháng đầu năm 2012

15. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Chi tiêu	Số dư 30/06/2012	Số dư 01/01/2012
Công ty Cổ phần Hải Minh	296.484.652	5.544.093.465
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	46.081.161	417.287.865
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	1.411.225	159.514.876
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	230.970.448	532.284.494
Cộng	574.947.486	6.653.180.700

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

16. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2011	56.163.800.000	19.339.670.000	-	(1.901.520.795)	2.051.360.115	2.011.911.136	67.756.119.915	145.421.340.371
Tăng vốn trong năm trước	17.411.160.000	-	-	-	-	-	-	17.411.160.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	39.830.872.780	39.830.872.780
Thuế TNDN năm 2009 được miễn giảm	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	(2.670.377.835)	-	-	-	(2.670.377.835)
Chia lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(22.376.341.618)	(22.376.341.618)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	1.156.400.000	(726.865.879)	429.534.121
Giảm khác	-	(17.411.160.000)	-	-	-	-	-	(17.411.160.000)
Số dư 31/12/2011	73.574.960.000	1.928.510.000	-	(4.571.898.630)	2.051.360.115	3.168.311.136	84.483.785.198	160.635.027.819
Số dư 01/01/2012	73.574.960.000	1.928.510.000	-	(4.571.898.630)	2.051.360.115	3.168.311.136	84.483.785.198	160.635.027.819
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong 6 tháng đầu năm 2012	-	-	-	-	-	-	17.382.627.732	17.382.627.732
Thuế TNDN được miễn giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia lợi nhuận trong kỳ(*)	-	-	-	-	-	-	(551.358.664)	(551.358.664)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	1.207.686.800	(9.031.986.817)	(7.824.300.017)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(103.021)	(103.021)
Số dư 30/06/2012	73.574.960.000	1.928.510.000	-	(4.571.898.630)	2.051.360.115	4.375.997.936	92.282.964.428	169.641.893.849

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Cổ phiếu

Chỉ tiêu	Số dư 30/06/2012	Số dư 01/01/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.142.396	7.227.296
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.142.396	7.095.006
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	177.590
- Cổ phiếu quỹ	215.100	215.100
- Số lượng cổ phiếu được bán ra	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Tổng cộng	7.357.496	7.357.496
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.142.396	7.272.596
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.142.396	7.095.006
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	177.590

(*) *Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND.*

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi: Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Công ty Cổ phần Hải Minh	17.381.379.509	16.676.677.281
Dịch vụ vận tải	5.560.112.685	6.648.447.689
Dịch vụ khai thác cảng	4.955.331.560	4.837.173.442
Dịch vụ đại lý	6.808.439.873	5.110.829.277
Dịch vụ khác	57.495.391	80.226.873
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	20.744.203.409	16.991.916.397
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	21.397.949.242	19.992.053.089
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	3.075.192.401	4.194.643.085
Cộng	62.598.724.561	57.855.289.852

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 6 tháng đầu năm 2012

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiêu	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Công ty Cổ phần Hải Minh	10.697.255.607	10.634.033.928
Dịch vụ vận tải	4.938.210.624	6.329.337.854
Dịch vụ khai thác cảng	3.857.246.122	2.621.652.903
Dịch vụ đại lý	1.901.798.861	1.683.043.171
Dịch vụ khác	-	-
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	16.817.631.085	12.368.188.744
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	16.554.114.653	16.174.500.490
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	4.806.749.206	3.338.706.397
Cộng	48.875.750.551	42.515.429.559

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	1.732.412.818	1.758.316.034
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.214.239.003	1.270.493.417
Chênh lệch tỷ giá thực hiện	118.049.626	425.914.220
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	124.189	61.908.397
Lãi đầu tư từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	400.000.000	-
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	454.681.521	310.380.341
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	457.164.985	663.002.649
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	5.509.035	31.776.158
Cộng	2.649.768.359	2.763.475.182

4. Chi phí tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	12.944.640	68.542.613
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	13.382.094
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	12.944.640	55.160.519
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	-	1.048.701
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	19.290.075	83.463.911
Cộng	32.234.715	153.055.225

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
6 tháng đầu năm 2012

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Công ty Cổ phần Hải Minh	2.720.754.908	2.419.912.215
Chi phí nhân viên quản lý	1.041.438.362	894.075.021
Chi phí vật liệu quản lý	43.650.000	43.647.750
Chi phí đồ dùng văn phòng	84.051.494	52.188.475
Chi phí khấu hao TSCĐ	87.381.266	88.004.435
Thuế. phí. lệ phí	22.856.154	22.156.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	852.554.921	955.050.180
Chi phí bằng tiền khác	588.822.711	364.789.695
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	1.247.703.503	1.044.227.042
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	883.562.579	845.476.214
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	600.461.663	608.554.758
Cộng	5.452.482.653	4.918.170.229

6. Thu nhập khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	411.376.026	124.846.806
Thanh lý TSCĐ	310.909.091	1.220.000.000
Thu các khoản nợ không xác định được chủ nợ	100.466.935	-
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	909.091	218.181.818
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	318.181.816	-
Cộng	730.466.933	1.438.181.818

7. Chi phí khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	270.333.787	205.334.603
Thanh lý TSCĐ	270.333.787	205.334.603
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	-	48.334.000
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	4.800	-
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	212.963.638	-
Cộng	483.302.225	253.668.603

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 6 tháng đầu năm 2012

8. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	36.201.924.666	36.180.963.979
Điều chỉnh tăng	-	154.245.633
Điều chỉnh giảm	25.095.520.517	21.783.735.028
Tổng lợi nhuận tính thuế TNDN	11.106.404.149	14.563.794.869
Thu nhập chịu thuế phát sinh trong năm ở mức 20%	-	332.214.246
- Thuế suất thuế TNDN theo thuế suất 20%	20%	20%
- Thuế suất TNDN theo thuế suất 25%	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm.(20%)	-	66.442.849
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm.(25%)	2.780.924.851	3.564.869.086
Thuế thu nhập được miễn giảm	522.250.766	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành trong năm	2.258.674.085	3.631.311.934

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	7.142.396	5.616.380
Số lượng cổ phiếu bán ra trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu mua vào trong năm	-	130.200
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	7.142.396	5.524.420
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	17.382.627.731	21.613.219.472
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.433,73	3.912,31

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nhân viên	9.188.065.275
Chi phí nguyên vật liệu	8.302.801.797
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.496.548.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.890.468.845
Chi phí bằng tiền khác	4.226.982.362
Cộng	52.104.866.768

VII. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	6 tháng đầu năm 2012
Mua sắm/ xây dựng tài sản còn nợ năm trước đã được thanh toán trong năm nay	1.968.181.817
Cộng	1.968.181.817

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
6 tháng đầu năm 2012

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
Phải thu Công ty tiếp vận Dongbu Hải Minh	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	2.791.590.787
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP HCM	Công ty liên kết	Doanh thu giao nhận (thu hộ SAMUDERA)	13.852.854.067
Cộng			<u>16.644.444.854</u>

Số dư các khoản công nợ với các bên liên quan tại ngày 30/06/2012

Phải thu Công ty tiếp vận Dongbu Hải Minh	1.266.314.866
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP HCM	2.841.244.999

2. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại Tp. Hồ Chí Minh và Tp. Hải Phòng.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Tp. Hồ Chí Minh	20.201.785.547	19.245.009.578
Tp. Hải Phòng	46.005.888.796	41.185.558.252
Cộng	<u>66.207.674.343</u>	<u>60.430.567.830</u>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	Số dư 30/06/2012	Số dư 01/01/2012	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Tp. Hồ Chí Minh	20.709.920.546	18.616.188.516	4.556.992.172	367.823.635
Tp. Hải Phòng	17.379.663.317	20.008.801.912	48.837.091	1.078.872.726
Cộng	<u>38.089.583.863</u>	<u>38.624.990.428</u>	<u>4.605.829.263</u>	<u>1.446.696.361</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
6 tháng đầu năm 2012

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số dư 30/6/2012</u>	<u>Số dư 01/01/2012</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.567.349.262	57.678.932.405
Phải thu khách hàng	27.341.649.685	34.047.030.454
Các khoản phải thu khác	651.318.703	2.004.445.079
Ký quỹ ngắn hạn		
Đầu tư dài hạn khác	6.800.000.000	6.800.000.000
Cộng	<u>79.360.317.650</u>	<u>100.530.407.938</u>
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	22.196.287.420	22.119.769.829
Chi phí phải trả	30.338.400	16.450.000
Các khoản phải trả khác	574.947.486	6.653.180.700
Cộng	<u>22.801.573.306</u>	<u>28.789.400.529</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Do Công ty hoạt động kinh doanh chính ở Bộ phận dịch vụ vận chuyển (dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển), cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
6 tháng đầu năm 2012

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là thu tiền ngay, công nợ phải thu không đáng kể, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khoản phải thu khách hàng.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Số dư 30/6/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả người bán	22.196.287.420	-	-	22.196.287.420
Chi phí phải trả	30.338.400	-	-	30.338.400
Các khoản phải trả khác	574.947.486	-	-	574.947.486
Cộng	22.801.573.306	-	-	22.801.573.306

Số dư 01/01/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả người bán	22.119.769.829	-	-	22.119.769.829
Chi phí phải trả	30.338.400	-	-	30.338.400
Các khoản phải trả khác	6.653.180.700	-	-	6.653.180.700
Cộng	28.803.288.929	-	-	28.803.288.929

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
6 tháng đầu năm 2012

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số dư 30/6/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.567.349.262			44.567.349.262
Phải thu khách hàng	27.341.649.685			27.341.649.685
Các khoản phải thu khác	651.318.703			651.318.703
Ký quỹ ngắn hạn	-			-
Đầu tư dài hạn khác	6.800.000.000			6.800.000.000
Cộng	79.360.317.650			79.360.317.650


Số dư 01/01/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.678.932.405			57.678.932.405
Phải thu khách hàng	34.047.030.454			34.047.030.454
Các khoản phải thu khác	2.004.445.079			2.004.445.079
Ký quỹ ngắn hạn	-			-
Đầu tư dài hạn khác	6.800.000.000			6.800.000.000
Cộng	100.530.407.938	-	-	100.530.407.938

Tại HCM, ngày 13 tháng 08 năm 2012



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc


NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng